KienlongBank

HỢP ĐỒNG MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN CHUNG - TỔ CHỨC

Số: ___/___/HĐTKTT-CN/PGD_____

- *Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;*
- *Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/08/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ nhu cầu và khả năng của Hai Bên,*

Hôm nay, ngày .../.../ ... , tại....., chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên sử dụng dịch vụ):

Tên tài khoản chung:

Tên thành viên 1: .....

Địa chỉ : .....

Điện thoại : ..... Fax:.....

QĐ thành lập/CN ĐKDN số: .....

Ông/Bà (Đại diện): .....

Chức vụ: .....

Giấy ủy quyền số: .....

Tên thành viên 2: .....

Địa chỉ : .....

Điện thoại : ..... Fax:.....

QĐ thành lập/CN ĐKDN số: .....

Ông/Bà (Đại diện): .....

Chức vụ: .....

Giấy ủy quyền số: .....

BÊN B (Bên cung ứng dịch vụ): NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG (Kienlongbank) .....

Địa chỉ : .....

Điện thoại : ..... Fax:.....

CN ĐKDN số: .....

Ông/Bà (Đại diện): .....

Chức vụ: .....

Giấy ủy quyền số: .....

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng mở và sử dụng **tài khoản thanh toán chung** với các điều khoản sau:

Điều 1. Bên B mở tài khoản thanh toán (TK) cho Bên A

- Số tài khoản VND: .....
- Số tài khoản ngoại tệ .....: .....

Điều 2. Sử dụng tài khoản

1. Bên B cung ứng dịch vụ qua TK cho Bên A bao gồm: nộp, rút tiền mặt, thu hộ, chi hộ, chuyển tiền, thanh toán và các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật. Khi giao dịch rút tiền từ TK ngoại tệ, Bên A phải xuất trình các giấy tờ chứng minh tính hợp lệ, hợp pháp theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.
2. Bên A lập chứng từ giao dịch theo mẫu của Bên B (hoặc mẫu được Bên B chấp thuận). Thông tin, chữ ký của người đại diện hợp pháp, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) và người được uỷ quyền, dấu trên chứng từ (nếu có) của Bên A phải khớp đúng với thông tin, mẫu chữ ký, mẫu dấu trong hồ sơ mở TK đăng ký lần đầu và/hoặc đăng ký thay đổi.
3. Việc sử dụng TK chung phải đúng nội dung tại Thỏa thuận về quản lý, sử dụng TK chung của các Chủ TK và tuân thủ nguyên tắc sau:

a) Các Chủ TK chung có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với TK chung. Việc sử dụng TK chung phải được sự chấp thuận của tất cả các Chủ TK. Mỗi Chủ TK phải chịu trách nhiệm thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ phát sinh từ việc sử dụng TK chung.

b) Thông báo liên quan đến việc sử dụng TK chung được Bên B gửi đến tất cả các Chủ TK, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 3. Ủy quyền sử dụng tài khoản

1. Việc ủy quyền sử dụng TK được thực hiện theo quy định của pháp luật và Bên B. Việc Bên B xác nhận ủy quyền và thực hiện nội dung ủy quyền chỉ được thực hiện nếu TK của Bên A đang ở trạng thái hoạt động bình thường, không có tranh chấp, không bị phong tỏa.
2. Chủ TK được ủy quyền bằng văn bản cho người khác sử dụng TK và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của TK. Người được ủy quyền phải đăng ký thông tin cá nhân và mẫu chữ ký, không được ủy quyền lại cho người thứ ba. Văn bản ủy quyền của Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán của tổ chức phải có phê duyệt của người đại diện theo pháp luật.
3. Thời hạn ủy quyền được quy định tại Giấy ủy quyền. Nếu Giấy ủy quyền không có nội dung về thời hạn ủy quyền, thì việc ủy quyền có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký. Nếu ủy quyền từng lần, sau khi người được ủy quyền thực hiện xong giao dịch được ủy quyền, Giấy ủy quyền hết hiệu lực.

Điều 4. Phí dịch vụ quản lý và sử dụng tài khoản

Bên A chấp nhận mức phí dịch vụ về quản lý, sử dụng TK trong Biểu phí dịch vụ do Bên B công bố phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và niêm yết công khai tại Bên B. Bên A đồng ý cho Bên B tự động trích TK để thu phí.

Điều 5. Phong tỏa tài khoản

1. Bên B phong tỏa một phần/toàn bộ số tiền trên TK của Bên A trong các trường hợp:

a) Có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

b) Phát hiện có nhầm lẫn, sai sót khi ghi Có nhầm vào TK của Bên A hoặc theo yêu cầu hoàn trả lại tiền của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán do chuyển tiền có sai sót, nhầm lẫn so với lệnh thanh toán của người chuyển. Số tiền bị phong tỏa không vượt quá số tiền bị sai sót, nhầm lẫn.

2. Bên B gửi văn bản cho Bên A biết về lý do và phạm vi phong tỏa TK. Việc sử dụng TK trong thời gian phong tỏa được thực hiện theo đúng nội dung phong tỏa. Số tiền bị phong tỏa trên TK được bảo toàn và được hưởng lãi. Nếu TK bị phong tỏa một phần, thì phần không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.

3. Bên B chấm dứt phong tỏa TK khi có một trong các điều kiện:

a) Kết thúc thời hạn phong tỏa.

b) Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền về chấm dứt phong tỏa.

c) Bên B đã xử lý xong sai sót, nhầm lẫn về chuyển tiền.

d) Có thông báo bằng văn bản của tất cả các chủ TK thanh toán chung về tranh chấp giữa các chủ TK đã được giải quyết.

Điều 6. Đóng tài khoản thanh toán

1. Bên B thông báo và thực hiện đóng TK của Bên A trong các trường hợp sau:

a) Có văn bản yêu cầu đóng TK của Bên A (hoặc người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của Bên A) và Bên A đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến TK.

b) Bên A bị chết, bị tuyên bố đã chết, bị mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

c) Bên A vi phạm cam kết hoặc thỏa thuận tại hợp đồng này.

d) TK không phát sinh giao dịch trong 12 tháng liên tục, sau khi Bên B gửi thông báo cho Bên A đóng TK và rút số tiền còn lại trong vòng 30 ngày, nhưng Bên A không thực hiện.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Số dư còn lại sau khi đóng TK được xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 7. Tra soát, khiếu nại

1. Bên A đề nghị tra soát, khiếu nại với Bên B theo các hình thức:

a) Lập văn bản theo Khoản 2 Điều này, gửi tại quầy giao dịch Bên B.

b) Điện thoại cho Nhân viên giao dịch/tổng đài Bên B (đường dây nóng có ghi âm) hoặc gửi đến email của Bên B đồng thời lập văn bản theo Khoản 2 Điều này.

2. Bên A ghi nội dung tra soát vào Giấy đề nghị điều chỉnh lệnh chuyển tiền (Mẫu BM-KT-26); Ghi nội dung khiếu nại/tra soát khác vào Phiếu yêu cầu (Mẫu BM-KT-07).
3. Nếu Bên A ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, người được ủy quyền phải lập văn bản theo quy định tại Khoản 2 Điều này, gửi văn bản kèm với giấy ủy quyền của Chủ TK.
4. Thời hạn Bên A được đề nghị tra soát, khiếu nại tối đa là 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A (Chủ TK chung):

a) Sử dụng số tiền trên TK để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ. Được Bên B tạo điều kiện để sử dụng TK thuận tiện và an toàn. Chọn lựa sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán do Bên B cung ứng.

b) Ủy quyền cho người khác sử dụng TK theo quy định tại Điều 3.
c) Được yêu cầu Bên B thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ; Cung cấp thông tin về các giao dịch thanh toán, số dư trên TK; Tạm khóa, phong tỏa, đóng TK khi cần thiết; Được gửi thông báo cho Bên B về việc phát sinh tranh chấp TK thanh toán chung giữa các Chủ TK.
d) Được hưởng lãi trên số dư trên TK theo lãi suất do Bên B công bố trong từng thời kỳ.
e) Các quyền khác theo quy định pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Hai Bên không trái với quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên A (chủ TK chung):

a) Đảm bảo có đủ tiền trên TK để thực hiện thanh toán. Nếu có thỏa thuận thấu chi với Bên B, thì phải thực hiện nghĩa vụ có liên quan khi chi trả vượt quá số dư Có trên TK trong phạm vi hạn mức thấu chi được cấp.
b) Chấp hành các quy định về mở và sử dụng TK của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bên B.
c) Kịp thời thông báo cho Bên B khi phát hiện có sai sót, nhầm lẫn trên TK hoặc nghi ngờ TK bị lợi dụng. Hoàn trả/phối hợp với Bên B hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn Bên B đã ghi Có vào TK của bên A.
d) Cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác các thông tin trong hồ sơ mở và sử dụng TK. Thông báo kịp thời và gửi các giấy tờ liên quan cho Bên B khi có thay đổi về thông tin trong hồ sơ mở TK.
e) Duy trì số dư tối thiểu trên TK theo quy định Bên B.
f) Chịu trách nhiệm về thiệt hại do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ thanh toán qua TK do lỗi Bên A.
g) Không được cho thuê, cho mượn TK.
h) Không được sử dụng TK để thực hiện cho các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.
i) Tổ chức hạch toán, theo dõi số dư trên TK, đối chiếu với Giấy báo Nợ, báo Có, Sổ kế toán chi tiết (sổ phụ) nhận từ Bên B. Quản lý chặt chẽ các chứng từ giao dịch (séc, ủy nhiệm chi...).
j) Quản lý con dấu (nếu có), chịu trách nhiệm nếu chữ ký, con dấu bị lạm dụng để thực hiện giao dịch không hợp pháp hoặc gây tổn thất tiền trong TK của Bên A, trừ trường hợp do lỗi của Bên B.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B:

a) Được chủ động trích (ghi Nợ) TK của Bên A trong trường hợp:
- Để thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, tiền lãi và chi phí phát sinh trong quá trình quản lý TK và cung ứng dịch vụ thanh toán theo thỏa thuận trước bằng văn bản với Bên A phù hợp quy định pháp luật.
- Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành các quyết định về xử phạt vi phạm hành chính, về thi hành án/thu thuế/thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khác.
- Để điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai/không đúng bản chất/không phù hợp với nội dung sử dụng của TK theo quy định của pháp luật và thông báo cho Bên A biết.
- Khi phát hiện đã ghi Có nhầm vào TK của Bên A hoặc theo yêu cầu hủy lệnh chuyển Có của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền do phát hiện có sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền.
- Để chi trả các khoản thanh toán thường xuyên, định kỳ theo thỏa thuận giữa hai Bên.

b) Từ chối thực hiện lệnh thanh toán của Bên A trong trường hợp:
- Bên A không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán, lệnh thanh toán không hợp lệ, không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở TK hoặc không phù hợp với các thỏa thuận với Bên B.
- TK không có đủ số dư hoặc vượt hạn mức thấu chi khi thực hiện lệnh thanh toán.
- Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền hoặc có bằng chứng về việc giao dịch thanh toán nhằm rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền.
- TK đang bị tạm khóa, bị phong tỏa toàn bộ hoặc TK đang bị đóng, bị tạm khóa hoặc phong tỏa một phần mà phần không bị tạm khóa, phong tỏa không có đủ số dư (trừ trường hợp được thấu chi) hoặc vượt hạn mức thấu chi để thực hiện các lệnh thanh toán.

c) Từ chối yêu cầu tạm khóa, đóng TK của Bên A khi Bên A chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho Bên B.
d) Quy định và thông báo công khai số dư tối thiểu trên TK mà Bên A phải duy trì.
e) Quy định và áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong quá trình quản lý TK của Bên A phù hợp quy định của pháp luật. Yêu cầu Bên B cung cấp thông tin có liên quan khi sử dụng dịch vụ thanh toán.
f) Thực hiện thanh toán khi nhận được các chứng từ giao dịch hợp lệ với chữ ký trên chứng từ khớp đúng với mẫu chữ ký Bên A đã đăng ký tại Bên B mà không cần xác nhận với Bên A.
g) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin có liên quan khi sử dụng dịch vụ thanh toán. Thực hiện tạm khóa, phong tỏa, giải tỏa, đóng TK theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận với Bên A.
h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản với Bên A không trái với quy định pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Thực hiện lệnh thanh toán của Bên A sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ.
b Lưu giữ và cập nhật đầy đủ các mẫu chữ ký của chủ TK và những người được ủy quyền để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình Bên A sử dụng TK.
c) Ghi Có vào TK của Bên A kịp thời các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nộp tiền mặt vào TK; Hoàn trả kịp thời các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Nợ đối với TK của Bên A.
d) Thông tin đầy đủ, kịp thời về số dư và các giao dịch phát sinh trên TK và việc phong tỏa TK cho Bên A bằng văn bản và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.
e) Cập nhật kịp thời các thông tin khi có thông báo thay đổi nội dung trong hồ sơ mở TK của Bên A. Bảo quản lưu trữ hồ sơ mở TK và chứng từ giao dịch của Bên A theo đúng quy định của pháp luật.
f) Đảm bảo bí mật các thông tin liên quan đến TK và giao dịch trên TK của Bên A theo quy định của pháp luật, thông tin chỉ được chuyển giao cho bên thứ ba khi được chủ TK đồng ý.
g) Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo trên TK Bên A do lỗi của Bên B.
h) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.
i) Hướng dẫn, thông báo công khai để Bên A biết, giải đáp, xử lý kịp thời thắc mắc, khiếu nại của Bên A.

Điều 10. Điều khoản chung

1. Hợp đồng này và tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng được các Bên quản lý bảo mật.
2. Các phụ lục và các văn bản sửa đổi, bổ sung được các Bên thông qua là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng này.
3. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh thì Hai Bên cùng bàn bạc giải quyết. Nếu phát sinh tranh chấp mà Hai Bên không tự giải quyết được thì đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Án phí do Bên thua kiện chịu.
4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, lập thành 03 bản, mỗi Chủ TK chung giữ 01 bản, Bên B giữ 01, có giá trị pháp lý như nhau.

BÊN A	**BÊN B**
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
THÀNH VIÊN 1	
THÀNH VIÊN 2	